

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 894/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/9/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10a năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị H, sinh năm 1989; thường trú: Xóm 8, xã S, huyện L, tỉnh A; tạm trú: Số 7/22, khu phố L 2, phường A, thị xã A, tỉnh D. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Dương Xuân T, sinh năm 1986; thường trú: Xóm 8, xã S, huyện L, tỉnh A; tạm trú: Số 7/22, khu phố L 2, phường A, thị xã A, tỉnh D. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Dương Xuân T tự nguyện tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh A theo giấy chứng nhận kết hôn số 70/2009, quyển số 01 ngày 21/9/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sinh sống tại địa chỉ: Số 7/22, khu phố L 2, phường A, thị xã A, tỉnh D cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và hay cãi vã nhau, bản thân anh T là trụ cột trong gia đình nhưng thường xuyên ăn nhậu

không giành thời gian chăm sóc gia đình, chị H làm công nhân phải tăng ca nhiều nhưng anh T không phụ chị chăm sóc cho các con, trong nhà từ việc lớn đến việc nhỏ đều do một mình chị gánh vác. Chị H nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi khiến cho cuộc sống của vợ chồng ngày càng ngột ngạt, hạnh phúc gia đình cũng vì thế mà không còn. Nay chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Thị B, sinh ngày 28/3/2011 và Dương Ngọc H, sinh ngày 07/10/2016. Hiện nay các con đang sống chung với hai vợ chồng. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu H và giao cháu B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 20/9/2019, bị đơn anh Dương Xuân T trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời khai của chị H đã cung cấp cho Tòa án về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian sống chung của vợ chồng. Anh T thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên thi thoảng có xảy ra cãi vã nhau. Hiện nay vợ chồng còn sống chung với nhau, anh T vẫn còn tình cảm với chị H nhưng nếu chị H nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Thị B, sinh ngày 28/3/2011 và Dương Ngọc H, sinh ngày 07/10/2016. Sau khi ly hôn anh T đồng ý giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:
Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Chị Đào Thị H khởi kiện anh Dương Xuân T yêu cầu được ly hôn và nuôi con nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Xuân T có nơi cư trú tại khu phố L 2, phường A, thị xã A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ

khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Dương Xuân T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh A theo giấy chứng nhận kết hôn số 70/2009, quyền số 01 ngày 21/9/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau. Nguyên nhân là do anh T hay ăn nhậu, không giành thời gian chăm sóc gia đình, cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau. Anh T thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên thi thoảng có xảy ra cãi vã nhau, hiện anh vẫn còn tình cảm với chị H nhưng chị H nhất quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Chị H và anh T đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai người có nhiều mâu thuẫn và hay cãi vã nhau, anh T không chăm lo cho gia đình. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Thị B, sinh ngày 28/3/2011 và Dương Ngọc H, sinh ngày 07/10/2016. Anh T và chị H đều thống nhất khi ly hôn anh T giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chị H giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 20/9/2019, cháu B có nguyện vọng được sống với anh T, điều này phù hợp với sự thỏa thuận của anh T và chị. Do đó, yêu cầu về việc nuôi con và vấn đề cấp dưỡng của chị Hòa là có căn cứ chấp nhận và phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H đối với anh Dương Xuân T về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H được ly hôn với anh Dương Xuân T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 70/2009, quyển số 01 ngày 21/9/2009 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh A cấp).

- Về con chung: Anh Dương Xuân T có trách nhiệm giao con chung tên Dương Ngọc H, sinh ngày 07/10/2016 cho chị Đào Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Đào Thị H có trách nhiệm giao con chung tên Dương Thị B, sinh ngày 28/3/2011 cho anh Dương Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Đào Thị H và anh Dương Xuân T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0029218 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND X. Trù Sơn, H. Đô Lương, T. Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hoàng